

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ - ST
Ngày 05 - 7 - 2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An và bà Nguyễn Thị Ngọc Nga.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị L**, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Lương T**, sinh năm 1991; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn S, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ hiện nay: Công ty cổ phần Prime Shimodate Komuten Nhật Bản; địa chỉ: 8-83-1 Ono, Hinronocho Kunohe-gun Inate-gun Japan (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14 tháng 12 năm 2017 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hà Thị L trình bày:

Giữa chị và anh Nguyễn Lương T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 28/4/2014. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình nhà chồng ở thôn S, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Hai vợ chồng chung sống được khoảng gần 02 tháng đầu hòa thuận, sau đó thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm

sống hàng ngày. Đến khoảng giữa năm 2015 thì chị L về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc sống từ đó cho đến nay. Đồng thời cũng từ tháng 6 năm 2015 anh Nguyễn Lương T đi thực tập sinh ở Nhật Bản, hai vợ chồng sống ly thân, không còn liên lạc và quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản vay và cho vay, công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17 tháng 4 năm 2019, bị đơn anh Nguyễn Lương T trình bày: Vì điều kiện khó khăn không về Việt Nam được nên anh T xin giải quyết vắng mặt; quá trình kết hôn, chung sống như chị L trình bày là đúng. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản vay và cho vay, công sức đóng góp: Anh T xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị L, xử chị L được ly hôn với anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Lương T hiện đang ở nước ngoài theo xác định tại Công văn số: 4902/A08-P5 ngày 01/4/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an. Cụ thể anh Nguyễn Lương T xuất cảnh qua cửa khẩu sân quốc tế bay Nội Bài 03 lần vào các ngày 03/7/2016; 02/01/2017 và lần gần nhất ngày 10/01/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Sau khi thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị Hà Thị L và anh Nguyễn Lương T. Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có Công văn số 13/TAND- CV ngày 24/5/2018, đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản tiến hành tổng đạt hoặc niêm yết thông báo thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh T, đồng thời yêu cầu anh T cung cấp bản tự khai. Tuy nhiên, đến nay không có kết quả nên căn cứ khoản 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự và Hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và giải quyết vắng mặt anh T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu thu thập được, xác định chị Hà Thị L và anh Nguyễn Lương T kết hôn ngày 28/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Từ khi kết hôn cho đến nay anh chị chung sống với

nhau thời gian không nhiều; cả chị L và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 25/4/2019 Tòa án nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của anh T đề ngày 17/4/2019 tại Nhật Bản có điểm chỉ, chữ ký, họ tên người viết đơn là Nguyễn Lương T kèm theo phong bì thư có dán tem thư Nhật Bản (đơn không có xác nhận của Đại sứ quán). Nội dung thể hiện: Thời gian kết hôn, mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và nhất trí ly hôn chị L và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt vì hiện nay anh T đã bỏ ra ngoài làm việc.

Ngày 31/10/2018 Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Lương Thị H (là mẹ đẻ anh T), bà H xác nhận anh T biết việc chị L xin ly hôn nhưng do hiện anh T đã bỏ ra ngoài làm việc, không ổn định chỗ ở nên không thể xin xác nhận của Đại sứ quán được. Bà H cũng cho biết quan điểm của anh T cũng đồng ý ly hôn chị L.

Trên cơ sở các tài liệu như trên thấy rằng, chị L và anh T đã ly thân nhiều năm, không còn quan hệ tình cảm, anh T đang làm ăn tại Nhật Bản nên khoảng cách về địa lý làm cho khả năng đoàn tụ khó khăn. Mặc dù anh T không có mặt tại Tòa án nhưng các tài liệu anh T gửi cho Tòa án là chứng cứ xác định hai bên đã có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị L ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị L và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản vay và cho vay, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 474; khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Hà Thị L được ly hôn anh Nguyễn Lương T.
2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản vay, cho vay, công sức: Không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hà Thị L phải chịu 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: AA/2014/0002085 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Xác nhận chị Hà Thị L đã nộp đủ án phí.

5. Thời hạn kháng cáo bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã Y, huyện S,
tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Duy Sơn